






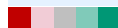
## Tóm tắt nội dung chính

Báo cáo hàng tháng tóm tắt những quan sát và phân tích của chúng tôi về những diễn biến chính trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN). Dưới đây là tiêu điểm trong tháng dành cho tổ chức phát hành (TCPH) và nhà đầu tư TPDN.

TPDN phát hành mới trong tháng 10/2024 đạt 28.1 nghìn tỷ đồng, tổng tính từ đầu năm đạt 366 nghìn tỷ đồng. 11% số TCPH phát hành trái phiếu trong tháng 10/2024 có hồ sơ tín nhiệm ở mức 'Dưới trung bình' hoặc yếu hơn. Không có trường hợp chậm trả lần đầu nào được công bố trong tháng 10/2024, tuy nhiên chúng tôi đánh giá rằng có 14 trong số 42 trái phiếu đáo hạn trong tháng 11/2024 gặp rủi ro cao không trả được nợ gốc. Tỷ lệ vòng quay TPDN trên thị trường thứ cấp (giá trị giao dịch/tổng giá trị lưu hành) tăng lên mức 10% so với mức 9% trong tháng trước.

### Hình 1: Những xu hướng chính trong tháng 10/2024

TIÊU ĐIỂM	XU HƯỚNG	NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT
 <b>Chậm trả gốc/lãi</b>	<b>Giảm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không có trái phiếu chậm trả phát sinh mới được công bố trong tháng 10/2024</li> <li>Tỷ lệ chậm trả toàn thị trường đến cuối tháng 10/2024 là 14.9%, không thay đổi so với tháng trước.</li> <li>14 trong tổng số 42 trái phiếu đáo hạn trong tháng 11/2024 có rủi ro cao không trả được nợ gốc đúng hạn.</li> </ul>
 <b>Tình hình xử lý chậm trả</b>	<b>Tăng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 13 TCPH đã thanh toán một phần/hoặc toàn bộ dư nợ gốc trái phiếu chậm trả với tổng giá trị là 269 tỷ đồng trong tháng 10/2024.</li> <li>Tỷ lệ thu hồi nợ gốc chậm trả tăng thêm 0.1% lên mức 21.5%.</li> </ul>
 <b>Phát hành mới</b>	<b>Giảm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lượng phát hành mới trong tháng 10/2024 là 28.1 nghìn tỷ đồng, thấp hơn so với mức 56.2 nghìn tỷ phát hành mới trong tháng 9/2024.</li> <li>Trong số 366 nghìn tỷ đồng phát hành mới từ đầu năm đến nay, 11.5% trong số đó được phát hành ra công chúng.</li> </ul>
 <b>Hồ sơ tín nhiệm của TCPH</b>	<b>Cải thiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>11% số TCPH trong tháng 10/2024 có hồ sơ tín nhiệm ở mức 'Dưới Trung Bình' hoặc yếu hơn, cải thiện so với tháng trước ở mức 24%.</li> <li>10 tháng đầu năm, 56% TCPH có hồ sơ tín nhiệm yếu thuộc nhóm ngành Bất động sản Nhà ở và Xây dựng.</li> <li>Một vài TCPH thuộc nhóm Tổ chức tài chính có hồ sơ tín nhiệm yếu có Tính thanh khoản và Khả năng thanh toán ở mức "Dưới trung bình" hoặc thấp hơn.</li> </ul>
 <b>Thị trường thứ cấp</b>	<b>Tăng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tỷ lệ vòng quay TPDN trên thị trường thứ cấp tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 7/2023.</li> <li>Trong tháng 10/2024, khoảng 75% giá trị giao dịch thuộc nhóm ngành Ngân hàng và Bất động sản.</li> </ul>

 (\*) Màu sắc đậm nhạt thể hiện mức độ từ tiêu cực đến tích cực của các xu hướng  
Nguồn: Vietnam Investors Service

## LIÊN HỆ

Trần Quốc Thắng, MBA  
Chuyên viên phân tích  
[thang.tran@visrating.com](mailto:thang.tran@visrating.com)

Nguyễn Lý Thanh Lương, CFA, ACCA, FVMA  
Trưởng nhóm phân tích  
[luong.nguyen@visrating.com](mailto:luong.nguyen@visrating.com)

Nguyễn Đình Duy, CFA  
Chuyên gia phân tích cao cấp  
[duy.nguyen@visrating.com](mailto:duy.nguyen@visrating.com)

Simon Chen, CFA  
Giám đốc Xếp hạng và nghiên cứu  
[simon.chen@visrating.com](mailto:simon.chen@visrating.com)



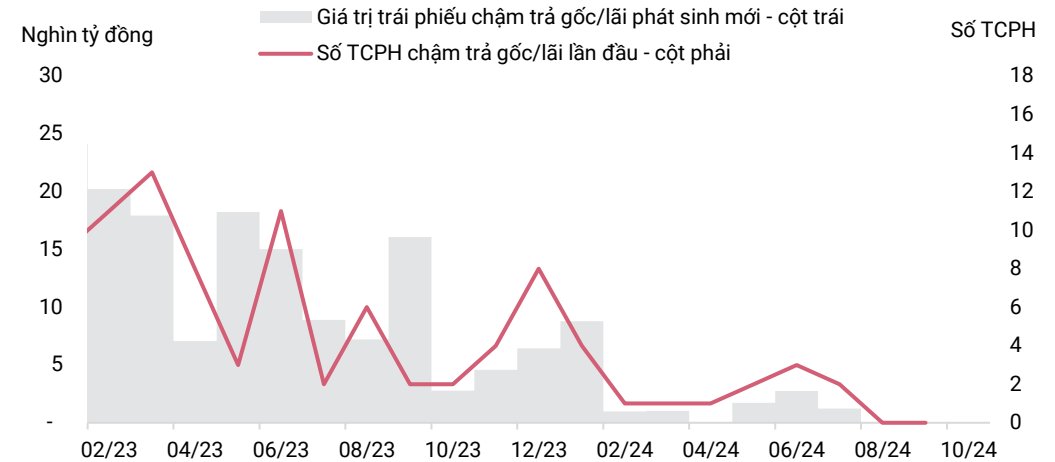
<https://visrating.com>

## Tình hình chậm trả gốc/lãi

Không có trái phiếu chậm trả phát sinh mới trong tháng 10/2024, tỷ lệ chậm trả lũy kế ở mức dưới 15%

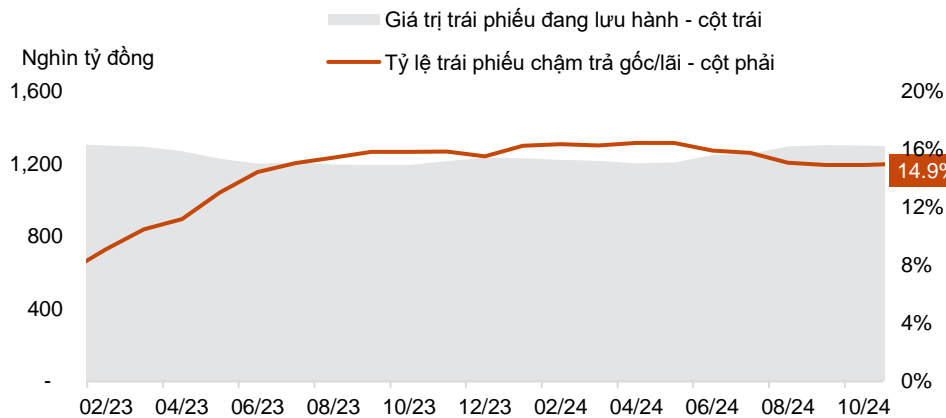
- Không có trái phiếu chậm trả phát sinh mới nào được ghi nhận trong tháng 10/2024.
- 10 tháng đầu năm 2024, tổng giá trái phiếu chậm trả phát sinh mới là 16,6 nghìn tỷ đồng, thấp hơn cùng kỳ năm trước là 137,6 nghìn tỷ đồng.
- Tỷ lệ chậm trả lũy kế vào cuối tháng 10/2024 ổn định ở mức 14,9%. Nhóm Năng lượng có tỷ lệ chậm trả lũy kế cao nhất ở mức 45%, trong khi nhóm Bất động sản Nhà ở chiếm 60% tổng lượng trái phiếu chậm trả.

**Hình 2: Trái phiếu chậm trả phát sinh mới theo tháng**



Nguồn: Vietnam Investors Service

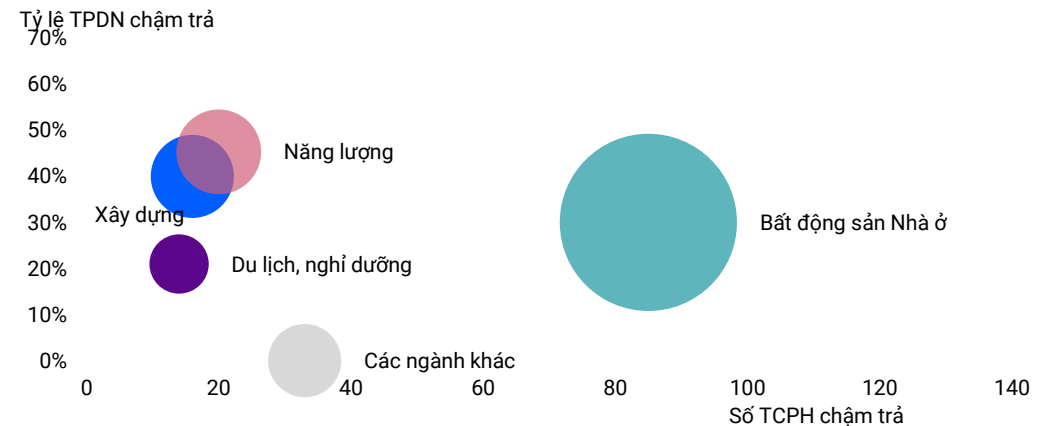
**Hình 3: Tỷ lệ trái phiếu chậm trả và giá trị TPDN đang lưu hành**



Ghi chú: Giá trị trái phiếu đang lưu hành, bao gồm cả các trái phiếu đã từng vi phạm chậm trả và đã quá ngày đáo hạn nhưng chưa công bố hoàn thành trả đủ gốc/lãi cho trái chủ.

Nguồn: Vietnam Investors Service

**Hình 4: Lượng trái phiếu chậm trả theo các nhóm ngành**



Ghi chú: Kích thước hình tròn thể hiện quy mô giá trị mệnh giá trái phiếu chậm trả lũy kế từ tháng 4/2022

Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 5: Danh sách trái phiếu chậm trả lần đầu trong tháng 10/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Ngày chậm trả gốc/lãi	Ngày thông báo trên HNX	Chậm trả	Lần đầu TCPH chậm trả gốc/lãi	Dư nợ gốc chậm trả	Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành của TCPH
			(tỷ đồng)												(tỷ đồng)	(tỷ đồng)

Không có trái phiếu chậm trả lần đầu công bố trong tháng 10/2024

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

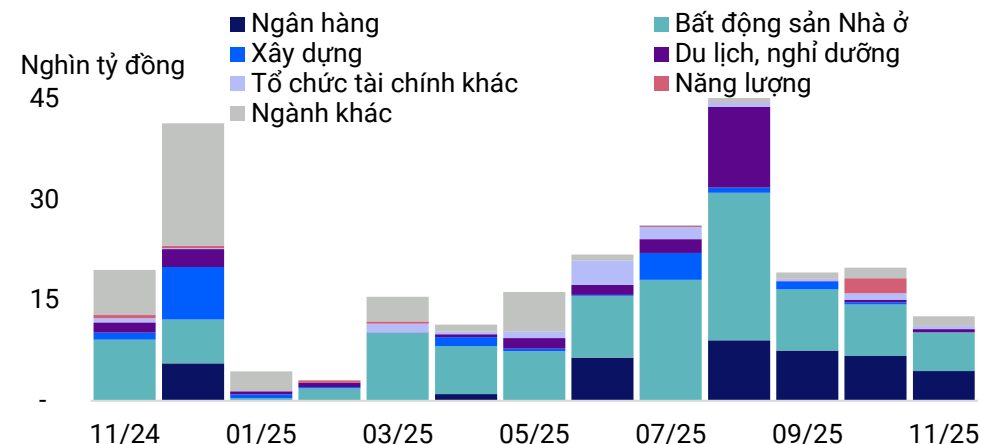
\* Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến ngày 5 tháng 11 năm 2024, trừ khi có ghi chú khác  
Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

## TPDN sắp đáo hạn có rủi ro cao

14 trong số 42 trái phiếu đáo hạn trong tháng 11/2024 có nguy cơ chậm trả nợ gốc

- Trong số 42 trái phiếu đáo hạn trong tháng 11/2024, chúng tôi đánh giá rằng có 14 trái phiếu có nguy cơ chậm trả nợ gốc. Hầu hết những trái phiếu này đã chậm trả lãi trái phiếu trước đó.
- 33% số trái phiếu đáo hạn tháng 11 năm 2024 có nguy cơ chậm trả gốc, cao hơn so với tỷ lệ 10.5% trái phiếu chậm trả nợ gốc trong 10 tháng đầu năm 2024.
- Trong vòng 12 tháng tới, có khoảng 109 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn thuộc nhóm ngành Bất động sản Nhà ở, chiếm gần một nửa tổng giá trị trái phiếu đáo hạn. Trong số này, chúng tôi ước tính có khoảng 30 nghìn tỷ đồng trái phiếu có nguy cơ chậm trả nợ gốc.

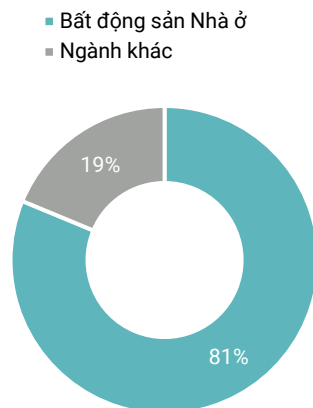
Hình 6: Lượng trái phiếu đáo hạn hàng tháng theo nhóm ngành



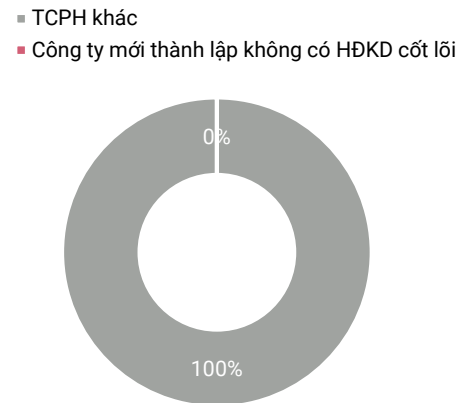
Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 7: Trái phiếu có rủi ro cao trong tháng 11/2024 theo nhóm ngành và theo loại hình doanh nghiệp

Trái phiếu rủi ro cao theo nhóm ngành



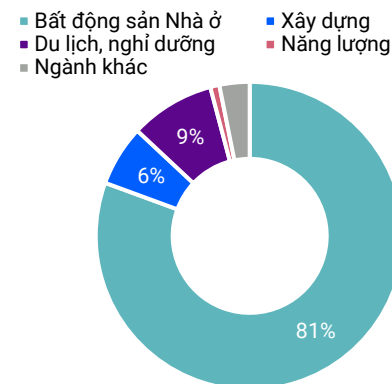
Trái phiếu rủi ro cao theo loại hình doanh nghiệp



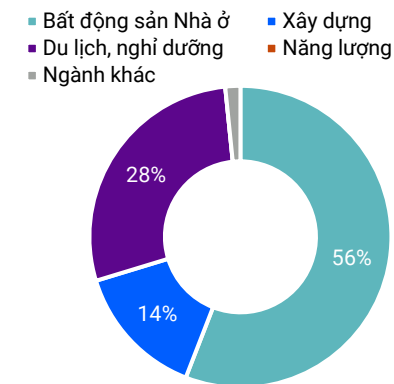
Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 8: Lượng trái phiếu đáo hạn trong 12 tháng tới theo nhóm ngành

Trái phiếu đã chậm trả gốc, lãi



Trái phiếu có rủi ro cao



Ghi chú: Trái phiếu đã chậm trả gốc, lãi là trái phiếu đã từng chậm trả lãi hoặc chậm trả gốc nhưng đã được chấp thuận gia hạn kỳ hạn trả gốc trái phiếu

Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 9: Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 11/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký (*)	Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	Tổng giá trị trái phiếu của TCPH (tỷ đồng)	Doanh nghiệp mới thành lập không có HKDK cốt lõi	Chậm trả gốc/lãi	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Báo cáo tài chính gần nhất*
VIFCB2124001	CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	Sản xuất ô tô	1,500	1-11-21	1-11-24	Ưu tiên	Không	TCBS	1,500	16,120	Không	Không	-9,086	8,457	23.07	T6-24
VIFCB2124002	CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	Sản xuất ô tô	3,500	1-11-21	1-11-24	Ưu tiên	Không	TCBS	3,500	16,120	Không	Không	-9,086	8,457	23.07	T6-24
VPIH2124003	CTCP Đầu tư Văn Phú - INVEST	Bất động sản Nhà ở	690	1-11-21	1-11-24	Ưu tiên	Không	HCM	690	1,041	Không	Không	95	4,062	1.9	T6-24
SUFONTIERL2024208	Công ty TNHH MTV Đầu tư Sun Frontier	Bất động sản Nhà ở	850	5-11-20	5-11-24	Ưu tiên	Không	HDBS	850	850	Không	Không	Không có thông tin			
HPXH2124001	CTCP Đầu tư Hải Phát	Bất động sản Nhà ở	650	5-05-21	5-11-24	Ưu tiên	Không	MBB	128	1,110	Không	Không	47	3623	1.34	T6-24
CBGCB2124001	CTCP Crystal Bay	Du lịch, nghỉ dưỡng	450	5-11-21	5-11-24	Ưu tiên	Không	VND	421	421	Không	Không	-76	1,782	2.58	T6-24
PTB2024003	CTCP Phú Tài	Vật liệu xây dựng	20	20-08-20	10-11-24	Ưu tiên	Không	MBB	20	75	Không	Không	203	2,940	0.73	T6-24
GLXCH2124002	CTCP Tập đoàn Geleximco	Xây dựng	980	10-11-21	10-11-24	Ưu tiên	Không	ABW	968	968	Không	Không	74	12,295	1.52	T12-23
VDSH2324004	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	Tổ chức tài chính khác	750	10-11-23	10-11-24	Ưu tiên	Không	VDS	750	2,989	Không	Không	243	2,653	1.28	T6-24
SSBH2124012	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ngân hàng	100	11-11-21	11-11-24	Ưu tiên	Không	MBB	100	3,050	Không	Không	2,583	32,769	7.56	T6-24
PTBBOND2019.02	CTCP Phú Tài	Vật liệu xây dựng	150	12-11-19	12-11-24	Ưu tiên	Không	MBB	9	75	Không	Không	203	2,940	0.73	T6-24
PTB2024002	CTCP Phú Tài	Vật liệu xây dựng	20	20-08-20	12-11-24	Ưu tiên	Không	MBB	20	75	Không	Không	203	2,940	0.73	T6-24
PTB2024001	CTCP Phú Tài	Vật liệu xây dựng	24	30-09-20	12-11-24	Ưu tiên	Không	MBB	24	75	Không	Không	203	2,940	0.73	T6-24
PTB.H.20.24.001	CTCP Phú Tài	Vật liệu xây dựng	35	26-11-20	12-11-24	Ưu tiên	Không	MBB	2	75	Không	Không	203	2,940	0.73	T6-24
PDCCH2124001	CTCP Đầu tư Địa ốc Phương Đông	Bất động sản Nhà ở	900	12-11-21	12-11-24	Ưu tiên	Không	BMS	900	900	Không	30-08-24	1.2	402	2.48	T6-24
IPAH2124002	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Năng lượng	1,000	15-11-21	15-11-24	Ưu tiên	Không	VND	400	3,258	Không	Không	193	4,228	1.06	T6-24
AVICH2124001	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Xây dựng	180	18-11-21	18-11-24	Ưu tiên	Không	NSI	2	2	Không	Không	-4.7	368	0.9	T6-24
NPHCH2124001	CTCP Quốc tế Ngân Phố	Du lịch, nghỉ dưỡng	68	18-11-21	18-11-24	Ưu tiên	Không	HDBS	68	68	Không	Không	Không có thông tin			
HDB1924_05	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	1	18-11-19	19-11-24	Thứ cấp	Không	VND	1	38,165	Không	Không	6,465	52,826	10.82	T6-24
AAAH2124001	CTCP Nhựa An Phát Xanh	Hóa chất	470	19-11-21	19-11-24	Ưu tiên	Không	SBVC	470	470	Không	Không	282	6,162	0.99	T6-24
DMBOND2017	CTCP Đường Man	Sản phẩm tiêu dùng	200	20-11-17	20-11-24	Ưu tiên	Không	IVB	200	200	Không	31-05-23	-20.3	53.6	21.08	T6-24
TTDCH2122002	CTCP Tập đoàn Thái Tuấn	Bán lẻ và bán buôn	500	20-05-21	20-11-24	Ưu tiên	Không	BVS	500	500	Không	26-04-23	449	2,001	1,31	T12-23

(\*)Ghi chú: Tên đầy đủ của Tổ chức lưu ký tại phụ lục  
Số liệu tài chính của TCPH được cập nhật gần nhất tại <https://cbonds.hnx.vn/>  
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

\* Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến ngày 5 tháng 11 năm 2024, trừ khi có ghi chú khác  
Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

Hình 9: Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 11/2024 (tiếp theo)

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành  (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký (*)	Giá trị trái phiếu  (tỷ đồng)	Tổng giá trị trái phiếu của TCPH (tỷ đồng)	Doanh nghiệp mới thành lập không có HDKD cốt lõi	Chậm trả gốc/lãi	Lợi nhuận sau thuế  (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Báo cáo tài chính gần nhất *
F88CH2324002	CTCP Kinh doanh F88	Tổ chức tài chính khác	100	21-11-23	21-11-24	Ưu tiên	Không	VSDC	100	600	Không	Không	89	1,520	1.96	T6-24
BOND_PKI_2020	Công ty TNHH MTV Quản lý đầu tư Phúc Khang	Bất động sản Nhà ở	500	23-11-20	23-11-24	Ưu tiên	Không	TPB	500	500	Không	Không	Không có thông tin			
HPXH2124009	CTCP Đầu tư Hải Phát	Bất động sản Nhà ở	250	25-11-21	25-11-24	Ưu tiên	Không	BVS	183	1,110	Không	15-Dec-23	47	3623	1.34	T6-24
TCSCH2124013	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	Tổ chức tài chính khác	134	25-11-21	25-11-24	Ưu tiên	Không	TCBS	0	4,086	Không	Không	2,226	24,643	1.11	T6-24
LVRCH2324001	Công ty TNHH Bất động sản Lan Việt	Bất động sản Nhà ở	4,100	25-08-23	25-11-24	Ưu tiên	Không	TCBS	4,100	4,100	Không	Không	-23	1,652	6.39	T6-24
BHCH2124004	CTCP Năng lượng Bắc Hà	Năng lượng	300	26-11-21	26-11-24	Ưu tiên	Không	VND	60	385	Không	Không	36	606	1.22	T6-24
CDCH2124001	CTCP Chương Dương	Xây dựng	112	26-11-21	26-11-24	Ưu tiên	Không	BVS	112	112	Không	Không	5.3	346	3.67	T6-24
DIGH2124003	Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng	Bất động sản Nhà ở	1,500	26-11-21	26-11-24	Ưu tiên	Không	HDBS	439	2,039	Không	Không	3.9	7,889	1.34	T6-24
DLACH2124001	CTCP Đầu tư & Xây dựng Kiên Trung	Bất động sản Nhà ở	300	26-11-21	26-11-24	Ưu tiên	Không	HDBS	67	67	Không	26-11-22	0.24	618	2.01	T6-24
VCB_BOND_RL06_2018_13	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng	51	28-11-18	28-11-24	Thứ cấp	Không	VCBS	6	9,796	Không	Không	16,711	181,703	9.49	T6-24
HTLAND.2020.TV01	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	500	20-03-20	28-11-24	Ưu tiên	Không	PHS	401	5,959	Không	20-06-23	-538	18,284	3.42	T6-24
HDB1924_06	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	2	28-11-19	29-11-24	Thứ cấp	Không	VND	2	38,165	Không	Không	6,465	52,826	10.82	T6-24
TCSCH2124017	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	Tổ chức tài chính khác	2	29-12-21	29-11-24	Ưu tiên	Không	TCBS	2	4,086	Không	Không	2,226	24,643	1.11	T6-24
HTL-H2023-006	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	30-11-24	Ưu tiên	Không	TVSI	189	5,959	Không	31-08-23	-538	18,284	3.42	T6-24
HTL-H2023-007	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	30-11-24	Ưu tiên	Không	TVSI	189	5,959	Không	31-08-23	-538	18,284	3.42	T6-24
HTL-H2023-008	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	30-11-24	Ưu tiên	Không	TVSI	189	5,959	Không	31-08-23	-538	18,284	3.42	T6-24
HTL-H2023-009	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	30-11-24	Ưu tiên	Không	TVSI	189	5,959	Không	31-08-23	-538	18,284	3.42	T6-24
NTCCH2124001	Công ty TNHH Ngọc Thiên	Thép và khai khoáng	500	30-11-21	30-11-24	Ưu tiên	Không	HDBS	500	500	Không	Không	Không có thông tin			
PQSCB2124001	Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc	Du lịch, nghỉ dưỡng	1,000	30-11-21	30-11-24	Ưu tiên	Không	TCBS	1,000	2,098	Không	Không	825	10,095	5.66	T6-24
VDSH2224004	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	Tổ chức tài chính khác	50	30-11-22	30-11-24	Ưu tiên	Không	VSDC	50	2,989	Không	Không	243	2,653	1.28	T6-24

(\*)Ghi chú: Tên đầy đủ của Tổ chức lưu ký tại phụ lục  
Số liệu tài chính của TCPH được cập nhật gần nhất tại <https://cbonds.hnx.vn/>  
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

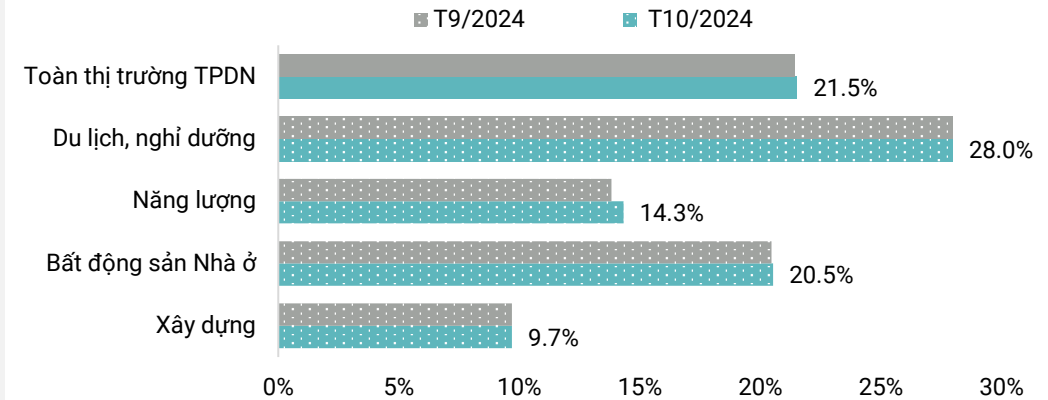
\* Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến ngày 5 tháng 11 năm 2024, trừ khi có ghi chú khác  
Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

## Tình hình xử lý TPDN chậm trả

Trong tháng 10/2024, các nhà phát hành đã trả cho trái chủ tổng cộng 269 tỷ đồng dư nợ gốc chậm trả

- Trong tháng 10/2024, 13 TCPH chậm trả thuộc các lĩnh vực Bất động sản Nhà ở, Năng lượng và Du lịch, nghỉ dưỡng đã hoàn trả tổng cộng 269 tỷ đồng tiền gốc cho các trái chủ.
- 50% tổng dư nợ được hoàn trả trong tháng đến từ CTCP Phong Điện Yang Trung. Công ty thuộc nhóm ngành năng lượng này đã chậm trả lãi trái phiếu trong năm 2022 và 2023.
- Tỷ lệ thu hồi chậm trả của các trái phiếu chậm trả đã tăng 0.1% lên 21.5% vào cuối tháng 10/2024.

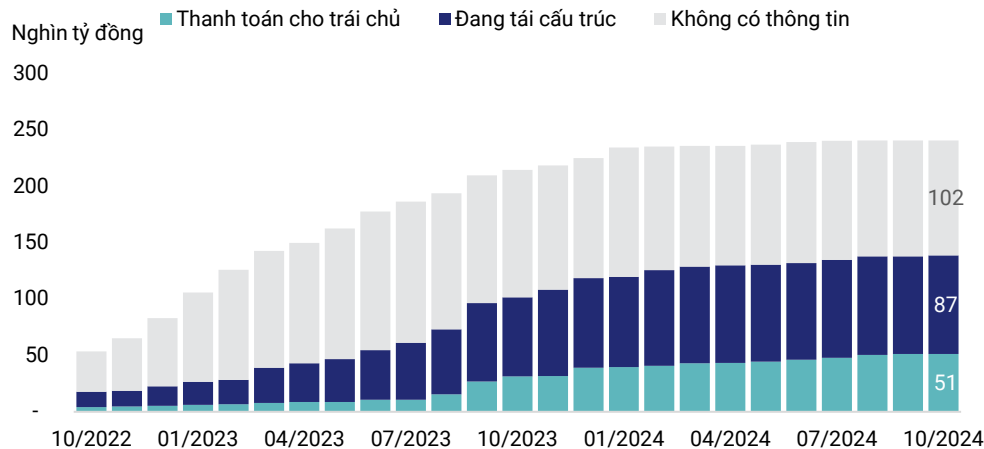
**Hình 10: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả theo nhóm ngành**



Ghi chú: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả dựa vào số liệu hoàn trả gốc trái phiếu đã chậm trả, bao gồm cả các trường hợp đã trả một phần gốc trái phiếu và đang tiếp tục tái cấu trúc nợ

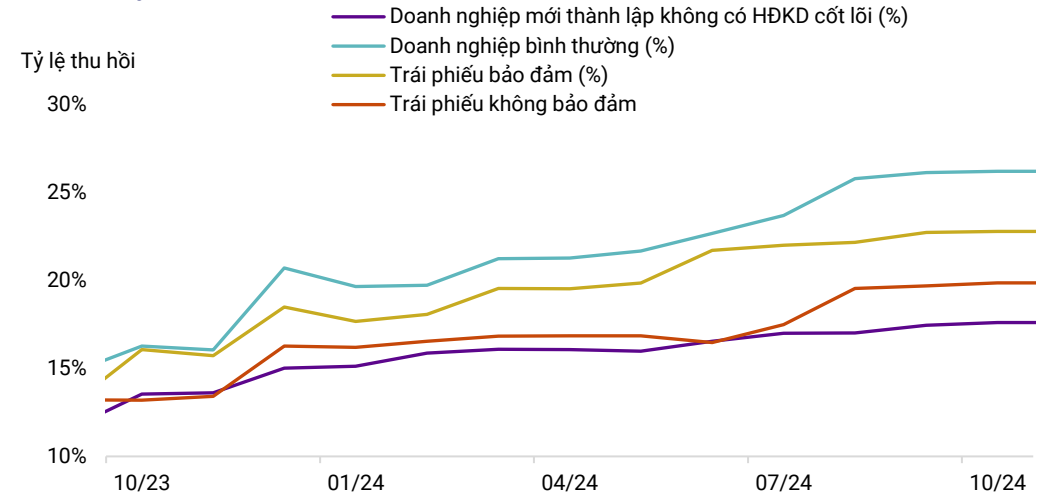
Nguồn: Vietnam Investors Service

**Hình 11: Tình hình tái cấu trúc nợ của trái phiếu chậm trả gốc/lãi**



Nguồn: Vietnam Investors Service

**Hình 12: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả theo loại hình doanh nghiệp/trái phiếu**



Ghi chú: Doanh nghiệp mới thành lập không có hoạt động kinh doanh (HĐKD) cốt lõi và có nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh hạn chế

Nguồn: Vietnam Investors Service



Hình 13: Các hoạt động tái cấu trúc trái phiếu chậm trả được công bố trong tháng 10/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Ngày bắt đầu chậm trả gốc/lãi	Chậm trả gốc/lãi	Ngày thông báo tái cấu trúc trên HNX	Loại hình tái cấu trúc	Giá trị gốc đã trả (tỷ đồng)	Giá trị còn lại sau tái cấu trúc (tỷ đồng)
BBPH.20.23.001	CTCP BB Power Holdings	Năng lượng	400	24-12-20	25-03-25	Cố định – 3 tháng	13.00%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	24-12-23	Gốc	4-10-24	Trả bằng tiền	33	367
HSC.H.20.23.001	CTCP Đầu tư năng lượng Hoàng Sơn	Năng lượng	500	25-12-20	25-12-25	Cố định – 3 tháng	13.00%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-12-23	Gốc	4-10-24	Trả bằng tiền	44	456
NPECH2128002	CTCP Đầu tư năng lượng Nam Phương	Năng lượng	900	26-11-21	26-03-26	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 13.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 4.7%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	28-08-23	Lãi	4-10-24	Trả bằng tiền	42	858
BNPCH2123002	CTCP Bất động sản BNP Global	Bất động sản Nhà ở	2,100	4-10-21	4-06-23	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 4.9%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	4-06-23	Gốc	10-10-24	Trả bằng tiền	900	1,200
TTEH2124001	CTCP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh	Năng lượng	250	19-10-21	19-10-24	Cố định – 6 tháng	11.00%	Ưu tiên	Có bảo đảm	NSI	19-04-23	Lãi	18-10-24	Trả bằng tiền	2	248
NVLH2123003	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản Nhà ở	220	20-04-21	20-04-23	Cố định – 6 tháng	10.50%	Ưu tiên	Có bảo đảm	BSI	21-04-23	Gốc	22-10-24	Trả bằng tiền	122	98
IMGCH2126001	CTCP Đầu tư IMG Huế	Bất động sản Nhà ở	200	8-01-21	8-01-26	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 9.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 24T +3.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	MBS	8-Jan-24	Gốc	22-10-24	Trả bằng tiền	50	50
HTL-H2023-010	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	31-08-23	Cố định – 3 tháng	11.00%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-08-23	Lãi	23-10-24	Hoán đổi tài sản	2	198
H79CH2124001	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	500	18-03-21	19-12-24	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T +4.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	18-06-23	Lãi	23-10-24	Hoán đổi tài sản	39	461
H79CH2124017	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	600	11-06-21	11-06-24	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T +4.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVS	12-06-23	Lãi	23-10-24	Hoán đổi tài sản	72	528
H79CH2123021	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	500	18-08-21	18-08-23	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10.3% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T +4.3%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	18-05-23	Gốc	23-10-24	Hoán đổi tài sản	9	397
HTLAND.2020.TV01	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	500	20-03-20	28-11-24	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 15.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T +4.1%	Ưu tiên	Có bảo đảm	PHS	20-06-23	Lãi	23-10-24	Hoán đổi tài sản	5	397
HTL-H2023-005	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	300	28-08-20	28-08-24	Cố định – 3 tháng	11.00%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	28-08-23	Lãi	23-10-24	Hoán đổi tài sản	3	297
HTL-H2023-006	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	30-11-24	Cố định – 3 tháng	11.00%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-08-23	Gốc	23-10-24	Hoán đổi tài sản	13	187
HTL-H2023-007	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	30-11-24	Cố định – 3 tháng	11.00%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-08-23	Gốc	23-10-24	Hoán đổi tài sản	13	187
HTL-H2023-008	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	30-11-24	Cố định – 3 tháng	11.00%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-08-23	Gốc	23-10-24	Hoán đổi tài sản	14	186
BBSP.H.20.23.001	CTCP BB Sunrise Power	Năng lượng	500	22-12-20	22-12-25	Cố định – 3 tháng	13.00%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	22-12-23	Gốc	28-10-24	Trả bằng tiền	47	453
HPXH2123008	CTCP Đầu tư Hải Phát	Bất động sản Nhà ở	250	28-10-21	28-10-24	Cố định – 3 tháng	11.00%	Ưu tiên	Có bảo đảm	PSI	28-04-23	Lãi	29-10-24	Trả bằng tiền	150	100
SMNCH2123001	CTCP Sunshine Marina Nha Trang	Du lịch, nghỉ dưỡng	750	25-10-21	25-10-25	Cố định – 12 tháng	11.00%	Ưu tiên	Có bảo đảm	HRS	26-10-23	Gốc	29-10-24	Trả bằng tiền	700	50
YTWCH2124003	CTCP Phong điện Yang Trung	Năng lượng	230	22-09-21	22-09-26	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 8.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 6T + 2.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	SHS	22-03-23	Lãi	29-10-24	Trả bằng tiền	115	115
YTWCH2124004	CTCP Phong điện Yang Trung	Năng lượng	30	22-12-21	22-09-26	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 8.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 6T+ 2.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	SHS	22-12-22	Lãi	29-10-24	Trả bằng tiền	15	15
NVLH2123014	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản Nhà ở	1,000	18-11-21	18-05-23	Cố định – 6 tháng	10.50%	Ưu tiên	Có bảo đảm	PSI	18-05-23	Gốc	30-10-24	Hoán đổi tài sản	278	722
NVLH2123007	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản Nhà ở	138	23-07-21	23-07-23	Cố định – 3 tháng	11.00%	Ưu tiên	Không bảo đảm	MAS	23-10-23	Lãi	30-10-24	Hoán đổi tài sản	21	117
HS2.H.20.23.001	CTCP Đầu tư năng lượng Hoàng Sơn	Năng lượng	500	25-12-20	25-12-25	Cố định – 3 tháng	13.00%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	25-12-23	Gốc	31-10-24	Trả bằng tiền	37	463

(\*)Ghi chú: Tên đầy đủ của Tổ chức lưu ký tại phụ lục  
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

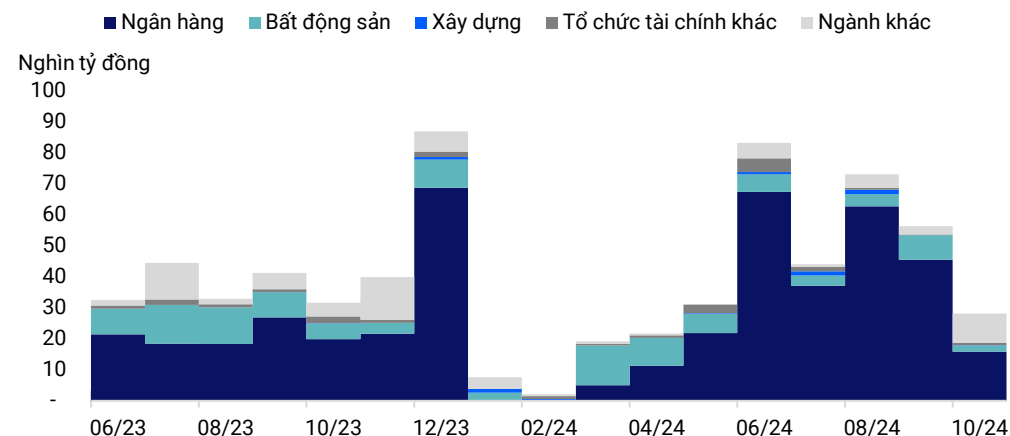


## Phát hành mới

Lượng phát hành trái phiếu mới trong 10 tháng đầu năm 2024 đạt 366 nghìn tỷ đồng, cao hơn tổng mức phát hành năm 2023

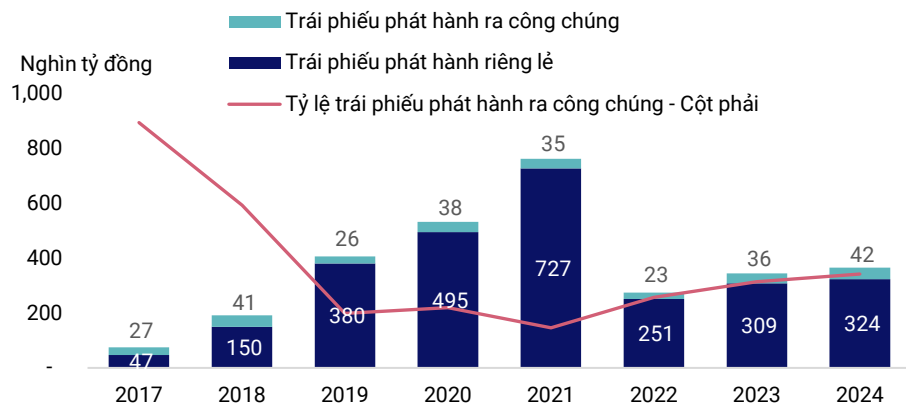
- Trong tháng 10/2024, lượng phát hành trái phiếu mới giảm xuống 28.1 nghìn tỷ đồng, từ mức 56.2 nghìn tỷ đồng trong tháng 09/2024. Các ngân hàng thương mại đã phát hành tổng cộng 15.8 nghìn tỷ đồng, tiếp tục chiếm phần lớn trong các đợt phát hành mới.
- Trong số các trái phiếu do các ngân hàng phát hành vào tháng 10/2024, 20% là trái phiếu thứ cấp đủ điều kiện tính vào vốn cấp 2, được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam và Ngân hàng TMCP Bắc Á. Các trái phiếu vốn cấp 2 này có kỳ hạn từ 7 đến 15 năm và lãi suất từ 6.5% đến 7.9% trong năm đầu tiên. Các trái phiếu khác là trái phiếu không có tài sản đảm bảo với kỳ hạn 3 năm và lãi suất cố định từ 5.0% đến 6.0%.
- Trong tháng 10/2024, một TCPH thuộc nhóm ngành Cơ sở hạ tầng và một TCPH thuộc nhóm Ngân hàng phát hành ra công chúng với tổng giá trị là 1.8 nghìn tỷ đồng. Từ đầu năm đến nay, 11.5% tổng lượng trái phiếu phát hành mới đến từ các đợt phát hành ra công chúng.

**Hình 14: Trái phiếu phát hành mới hàng tháng theo nhóm ngành**



Nguồn: Vietnam Investors Service

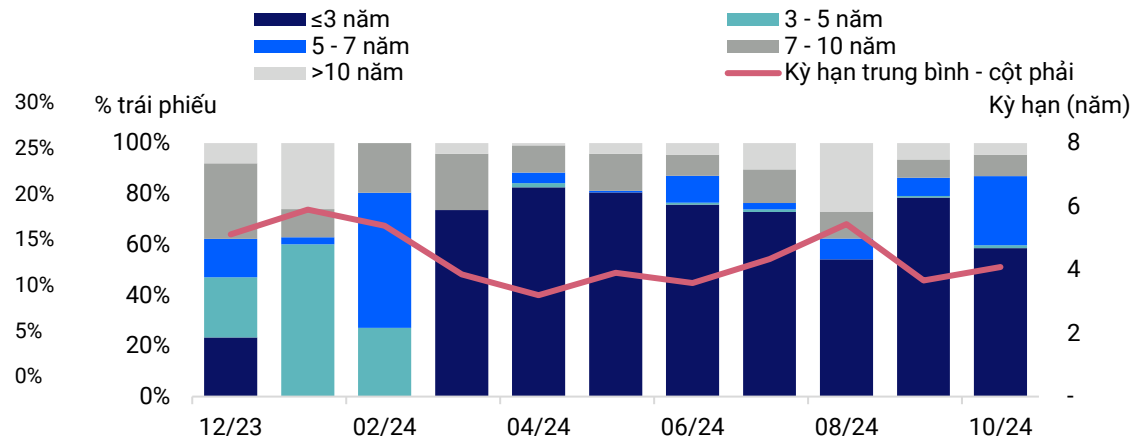
**Hình 15: Phát hành riêng lẻ/ra công chúng theo năm**



Ghi chú: Số liệu năm 2024 tính đến cuối tháng 10/2024

Nguồn: Vietnam Investors Service

**Hình 16: Cấu trúc kỳ hạn của các TPDN phát hành mới**



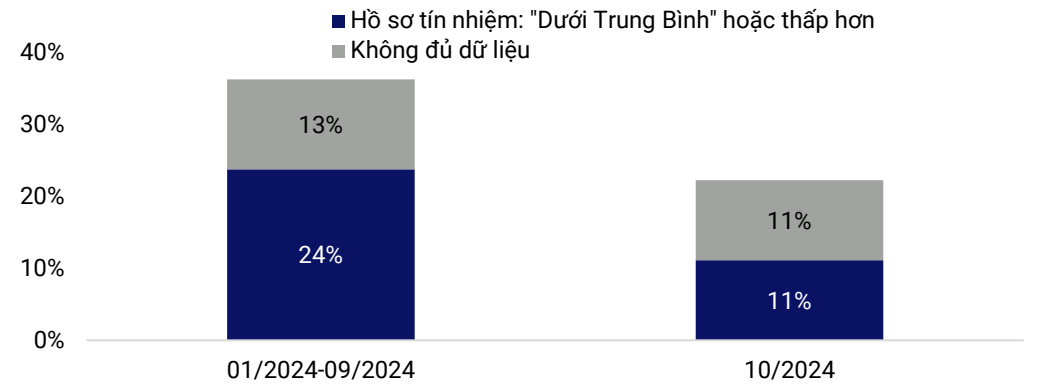
Nguồn: Vietnam Investors Service

# Hồ sơ tín nhiệm của TCPH

11% số TCPH trong tháng 10/2024 có hồ sơ tín nhiệm ở mức 'Dưới trung bình' hoặc yếu hơn

- Chúng tôi ước tính có 11% TCPH trong tháng 10/2024 có hồ sơ tín nhiệm ở mức 'Dưới Trung bình' hoặc thấp hơn, cải thiện so với tháng trước ở mức 24%.
- Trong tháng 10/2024, TCPH có hồ sơ tín nhiệm yếu thuộc nhóm Phi tài chính. Các TCPH này có Hệ số đòn bẩy và Khả năng trả nợ ở mức 'Cực kỳ yếu', phản ánh hoạt động kinh doanh của các đơn vị này không tạo ra đủ thu nhập và dòng tiền để trả nợ gốc và lãi vay.
- Từ đầu năm đến nay, 56% TCPH có hồ sơ tín nhiệm ở mức yếu thuộc nhóm Bất động sản Nhà ở và Xây dựng. Hơn nửa số TCPH có hồ sơ tín nhiệm yếu là các công ty mới thành lập không có hoạt động kinh doanh cốt lõi.
- Một vài tổ chức tài chính phát hành trái phiếu trong năm 2024 theo đánh giá của chúng tôi là có hồ sơ tín nhiệm yếu. Nhóm này bao gồm cả ngân hàng nhỏ, công ty tài chính và công ty chứng khoán, có điểm chung là Khả năng thanh toán (Solvency) và Tính thanh khoản (Liquidity) đều ở mức 'Dưới trung bình' hoặc thấp hơn.

Hình 17: TCPH có hồ sơ tín nhiệm yếu hoặc không công bố đủ thông tin để đánh giá

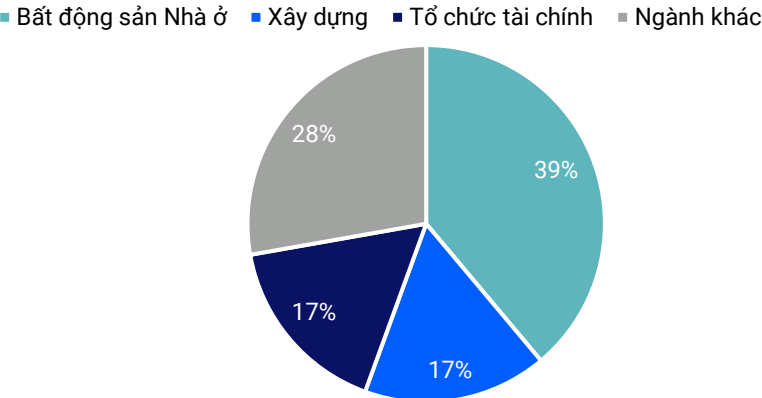


Ghi chú: TCPH có hồ sơ tín nhiệm ở mức Dưới Trung Bình, Yếu, Rất Yếu, Cực kỳ Yếu được phân thuộc nhóm Yếu dựa trên 8 mức đánh giá như hình dưới



Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Hình 18: Phần lớn TCPH có hồ sơ tín nhiệm yếu thuộc nhóm Bất động sản Nhà ở và Xây dựng



Ghi chú: Dữ liệu tổng hợp từ tháng 1/2024 đến 10/2024, không bao gồm các TCPH có thông tin hạn chế  
 Nguồn: Vietnam Investors Service

Exhibit 19: Tỷ lệ % TCPH có một hoặc nhiều tiêu chí trong hồ sơ tín nhiệm yếu

		01/2024-09/2024	10/2024
Tổ chức tài chính	Khả năng thanh toán	13%	8%
	Tính thanh khoản	17%	8%
Nhóm phi tài chính	Hệ số đòn bẩy	22%	50%
	Hệ số bao phủ nợ	73%	67%

Nguồn: Vietnam Investors Service

Hình 20: Danh sách phát hành mới tháng 10/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	Doanh nghiệp mới thành lập không có HỒKD cốt lõi	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH (tỷ đồng)	Nguồn dữ liệu tài chính
			(tỷ đồng)												
HDBL2426019	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	900	1-10-24	1-10-26	Cố định-6 tháng	5.60%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,300	Dữ liệu công ty
VJCH2429003	CTCP Hàng không Vietjet	Vận tải	1,000	1-10-24	1-10-29	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:11.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	8,000	Dữ liệu công ty
F88CH2425006	CTCP Kinh doanh F88	Tổ chức tài chính khác	70	1-10-24	1-10-25	Cố định-3 tháng	10.50%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	670	Không có dữ liệu
TPBL2434021	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	28	2-10-24	2-10-34	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:6.9% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,722	Dữ liệu công ty
LPBL2431005	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Ngân hàng	330	2-10-24	2-10-31	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:7.6% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 2.9%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	14,060	Dữ liệu công ty
VIBL2427006	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	1,000	3-10-24	3-10-27	Cố định-12 tháng	5.10%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	14,000	Dữ liệu công ty
TCIH2425001	CTCP Chứng khoán Thành Công	Tổ chức tài chính khác	400	4-10-24	4-10-25	Cố định-12 tháng	10.50%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	400	Không có dữ liệu
LPBL2427006	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Ngân hàng	2,000	4-10-24	4-10-27	Cố định-6 tháng	5.40%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	14,060	Dữ liệu công ty
STBL2426003	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Ngân hàng	1,500	7-10-24	7-10-26	Cố định-3 tháng	6.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	5,000	Dữ liệu công ty
OCBL2427018	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	500	9-10-24	9-10-27	Cố định-12 tháng	5.20%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	33,600	Dữ liệu công ty
BCMh2427005	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản khu công nghiệp	320	9-10-24	9-10-27	Thả nổi-12 tháng	Năm đầu:10.5% Các năm sau: lãi tham chiếu + 4.0%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	BID	Riêng lẻ	Không	2,620	Dữ liệu công ty
VIFCB2426001	CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	Sản xuất ô tô	2,000	10-10-24	10-10-26	Cố định-12 tháng	13.50%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	6,000	Các nguồn khác
CIIB2426001	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Hạ tầng giao thông	300	14-10-24	14-10-26	Cố định-12 tháng	10.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Phát hành ra công chúng	Không	3,613	Dữ liệu công ty
VIBL2427007	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	2,000	15-10-24	15-10-27	Cố định-12 tháng	5.10%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	14,000	Dữ liệu công ty
CTGL2439013	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	900	15-10-24	15-10-39	Cố định-3 tháng	6.50%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	CTG	Riêng lẻ	Không	18,867	Dữ liệu công ty
OCBL2427019	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	500	16-10-24	16-10-27	Cố định-12 tháng	0.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	33,600	Dữ liệu công ty
TTCC2428002	CTCP Đầu tư Thành Thành Công	Sản phẩm nông nghiệp	150	17-10-24	17-10-28	Thả nổi-6 tháng	Năm đầu:10.9% Các năm sau: lãi tham chiếu + 5.0%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	VPBankS	Riêng lẻ	Không	440	Các nguồn khác
CIH2427002	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Hạ tầng giao thông	200	17-10-24	17-10-27	Thả nổi-3 tháng	Năm đầu:11.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T + 4.5%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	3,613	Dữ liệu công ty

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

\* Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến ngày 5 tháng 11 năm 2024, trừ khi có ghi chú khác  
Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

Hình 20: Danh sách phát hành mới tháng 10/2024 (tiếp theo)

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành  (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đỉnh kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	Doanh nghiệp mới thành lập không có HKĐD cốt lõi	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH  (tỷ đồng)	Nguồn dữ liệu tài chính
VIFCB2429002	CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	Sản xuất ô tô	4,000	18-10-24	18-10-29	Cố định- 12 tháng	11.3%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	6,000	Các nguồn khác
FCNH2426001	CTCP FECON	Xây dựng	120	21-10-24	21-04-26	Cố định- 3 tháng	11.00%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	PSI	Riêng lẻ	Không	120	Dữ liệu công ty
CHACB2426001	CTCP Thương mại Du lịch Đầu tư Cù Lao Chàm	Du lịch, nghỉ dưỡng	576	21-10-24	21-04-26	Cố định- 12 tháng	10.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	576	Các nguồn khác
TPBL2434022	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	304	22-10-24	22-10-34	Thả nổi- 12 tháng	Năm đầu:6.9% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T+ 2.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	32,722	Dữ liệu công ty
ACBL2426011	Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	500	23-10-24	23-10-26	Cố định- 12 tháng	5.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	18,340	Dữ liệu công ty
VJCH2429004	CTCP Hàng không Vietjet	Vận tải	1,000	25-10-24	25-10-29	Thả nổi- 6 tháng	Năm đầu:11% Các năm sau: Lãi tiền gửi 13T+ 4%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	HDSC	Riêng lẻ	Không	8,000	Dữ liệu công ty
BAB202-07C	Ngân hàng TMCP Bắc Á	Ngân hàng	600	28-10-24	28-10-31	Thả nổi- 12 tháng	Năm đầu:7.3% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T+ 1.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Phát hành ra công chúng	Không	10,000	Dữ liệu công ty
BAB202-07L	Ngân hàng TMCP Bắc Á	Ngân hàng	600	28-10-24	28-10-31	Thả nổi- 12 tháng	Năm đầu:7.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T+ 1.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Phát hành ra công chúng	Không	10,000	Dữ liệu công ty
BAB202-08C	Ngân hàng TMCP Bắc Á	Ngân hàng	300	28-10-24	28-10-32	Thả nổi- 12 tháng	Năm đầu:7.7% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T+ 1.9%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Phát hành ra công chúng	Không	10,000	Dữ liệu công ty
CTGL2439014	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	100	28-10-24	28-10-39	Cố định- 12 tháng	6.50%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	CTG	Riêng lẻ	Không	18,967	Dữ liệu công ty
TCBL2427015	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng	240	30-10-24	30-10-27	Cố định- 12 tháng	5.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	41,940	Dữ liệu công ty
HCVCL2426006	Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	Tổ chức tài chính khác	200	30-10-24	30-10-26	Thả nổi- 12 tháng	Năm đầu:7.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T+ 2.1%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	3,700	Các nguồn khác
OCBL2427020	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1,000	30-10-24	30-10-27	Thả nổi- 12 tháng	Năm đầu:5.1% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T+ 0.4%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	33,600	Dữ liệu công ty
BABL2427007	Ngân hàng TMCP Bắc Á	Ngân hàng	1,000	30-10-24	30-10-27	Cố định- 12 tháng	5.30%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	10,000	Dữ liệu công ty
VHMB2427007	CTCP Vinhomes	Bất động sản Nhà ở	2,000	31-10-24	31-10-27	Cố định- 3 tháng	12.00%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	18,500	Dữ liệu công ty
MSBL2427009	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Ngân hàng	1,500	31-10-24	31-10-27	Cố định- 12 tháng	5.00%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	16,300	Dữ liệu công ty

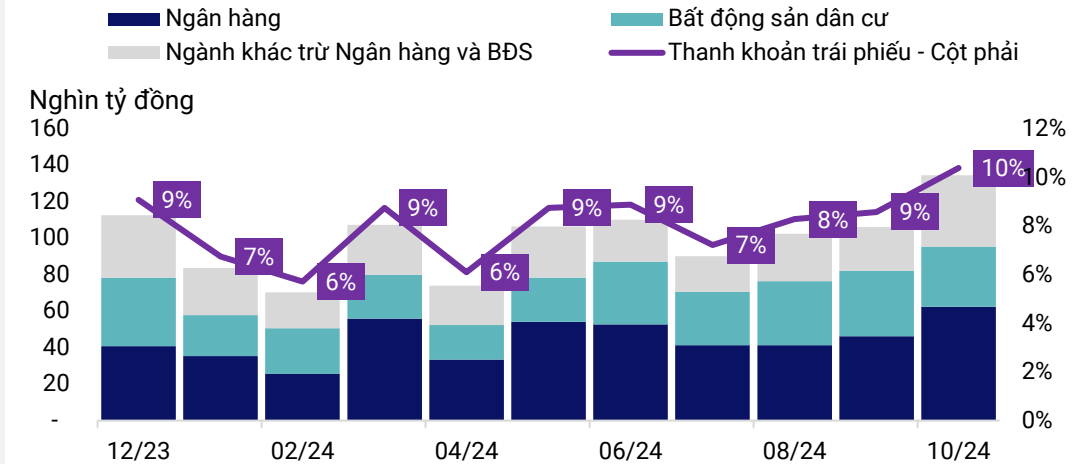
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

## Thị trường thứ cấp

Thanh khoản trên thị trường thứ cấp tăng trong tháng 10/2024 tăng lên mức cao nhất 10 tháng qua

- Trong tháng 10/2024, thanh khoản thị trường (tổng giá trị giao dịch / tổng số trái phiếu lưu hành) tăng lên mức 10%. Đây là tháng thanh khoản thị trường đạt mức cao nhất trong 10 tháng qua.
- Trái phiếu do nhóm Ngân hàng và Bất động sản phát hành chiếm khoảng 75% khối lượng giao dịch trong tháng, với kỳ hạn giao dịch chủ yếu trong khoảng 1 đến 3 năm.
- Trong tháng 10/2024, lợi suất trung bình của trái phiếu ngân hàng có chất lượng tín dụng “Trên trung bình” duy trì ổn định so với tháng trước trên hầu hết các kỳ hạn.

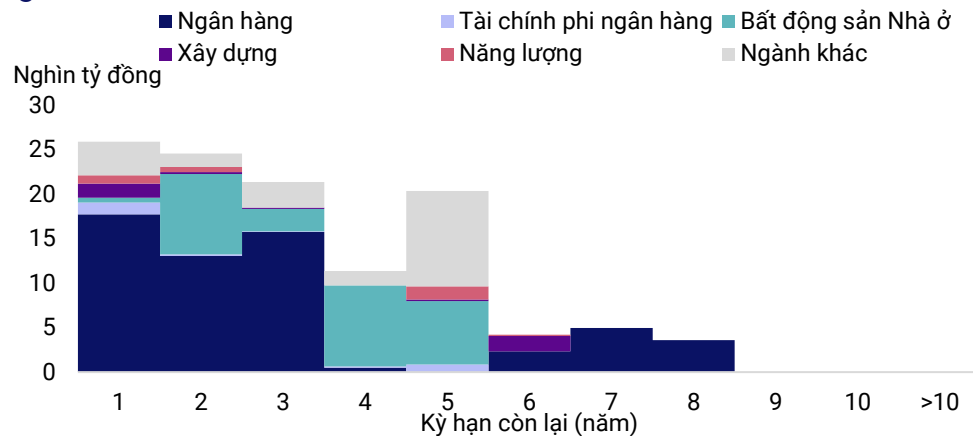
**Hình 21: Giá trị TPDN giao dịch hàng tháng phân theo ngành**



Ghi chú: Chúng tôi tính toán thanh khoản thị trường dựa trên khối lượng giao dịch trong tháng / tổng giá trị TPDN lưu hành tại tháng đó

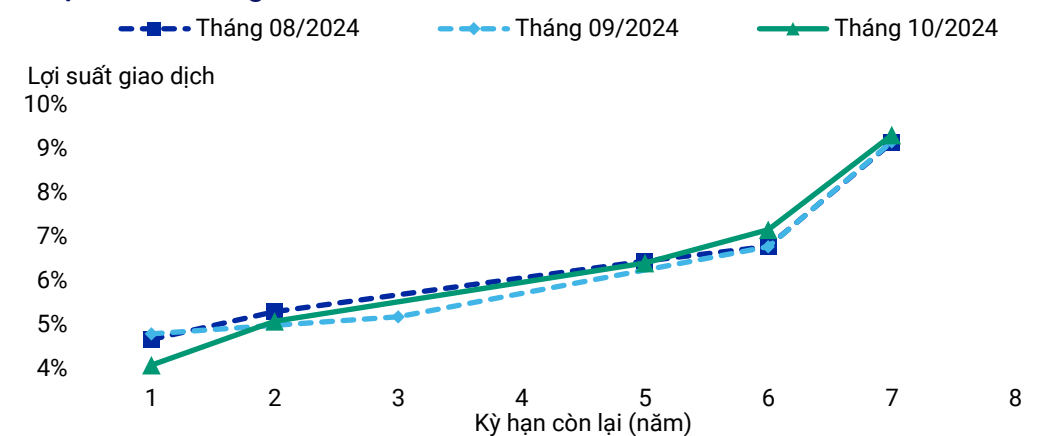
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

**Hình 22: Giá trị TPDN giao dịch trong tháng 10/2024 phân theo kỳ hạn và ngành**



Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

**Hình 23: Lợi suất giao dịch bình quân các trái phiếu Ngân hàng có chất lượng tín nhiệm “Trên Trung bình”<sup>1</sup>**



Ghi chú: Lợi suất giao dịch trung bình ước tính từ các giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ và trái phiếu phát hành ra công chúng trong tháng, loại trừ dữ liệu từ các giao dịch của trái phiếu chuyển đổi

<sup>1</sup> Tham khảo [Thang điểm xếp hạng tín nhiệm - VIS Rating](#)

Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

## Phụ lục

### Tên viết tắt của các Tổ chức lưu ký

#	Tên viết tắt	Tên đầy đủ
1	ABW	CTCP Chứng khoán An Bình
2	BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
3	BMS	CTCP Chứng khoán Bảo Minh
4	BSI	CTCP Chứng khoán BIDV
5	BVS	CTCP Chứng khoán Bảo Việt
6	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
7	HCM	CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
8	HDBS	CTCP Chứng khoán HD
9	HRS	CTCP Chứng khoán SmartMind
10	IVB	Ngân hàng TNHH Indovina
11	MAS	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
12	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội
13	MBS	CTCP Chứng khoán MB
14	NSI	CTCP Chứng khoán Quốc Gia
15	PHS	CTCP Chứng khoán Phú Hưng
16	PSI	CTCP Chứng khoán Dầu khí
17	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
18	TCBS	CTCP Chứng khoán Kỹ thương
19	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
20	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt
21	TVSI	CTCP Chứng khoán Tân Việt
22	VCBS	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
23	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt
24	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT
25	VPBanks	CTCP Chứng khoán VPBank
26	VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

© 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐẦU TƯ VIỆT NAM ("VIS RATING"). Đã đăng ký bản quyền.

XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING LÀ CÁC QUAN ĐIỂM HIỆN TẠI CỦA CHÚNG TÔI VỀ RỦI RO TÍN NHIỆM TƯƠNG ĐỐI TRONG TƯƠNG LAI CỦA CÁC TỔ CHỨC, NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC HOẶC VỀ BÊN PHÁT HÀNH CỦA CÁC LOẠI NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC ĐÓ TẠI VIỆT NAM VÀ CÁC TÀI LIỆU, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ THÔNG TIN DO VIS RATING CÔNG BỐ (GỌI CHUNG LÀ "CÁC ẮN PHẨM") CÓ THỂ BAO GỒM CÁC QUAN ĐIỂM NHƯ VẬY. VIS RATING ĐỊNH NGHĨA RỦI RO TÍN DỤNG LÀ RỦI RO MÀ MỘT TỔ CHỨC KHÔNG THỂ ĐÁP ỨNG CÁC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG KHI CHÚNG ĐẾN HẠN VÀ BẤT KỲ TỔN THẤT TÀI CHÍNH ƯỚC TÍNH NÀO TRONG TRƯỜNG HỢP MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN HOẶC LỖ DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ. VUI LÒNG THAM KHẢO ẮN PHẨM VỀ CÁC KÝ HIỆU XẾP HẠNG VÀ ĐỊNH NGHĨA CỦA VIS RATING ĐỂ XEM CÁC THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING. BÊN CẠNH NHỮNG RỦI RO CƠ BẢN CẦN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM (BAO GỒM NGHỊ ĐỊNH 88/2014/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 9 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM) VỀ DỊCH VỤ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM TÙY TỪNG THỜI ĐIỂM, XẾP HẠNG TÍN NHIỆM KHÔNG GIẢI QUYẾT BẤT KỲ RỦI RO NÀO KHÁC, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở RỦI RO THANH KHOẢN, RỦI RO GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG HOẶC BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ KHÔNG PHẢI VỀ TÍN NHIỆM ("CÁC ĐÁNH GIÁ"), VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC NẾU TRONG CÁC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ DỮ KIỆN HIỆN TẠI HOẶC QUÁ KHỨ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING CHỈ NHẪM MỤC ĐÍCH THAM KHẢO VÀ KHÔNG CẤU THÀNH VÀ KHÔNG CUNG CẤP LỜI KHUYÊN ĐẦU TƯ HOẶC TÀI CHÍNH, VÀ CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ VÀ KHÔNG CUNG CẤP KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ, GÓP VỐN, MUA, BÁN HOẶC GIỮ BẤT KỲ CÔNG CỤ NỢ HOẶC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH CỤ THỂ NÀO. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG BÌNH LUẬN VỀ TÍNH THÍCH HỢP CỦA VIỆC ĐẦU TƯ CHO BẤT KỲ NHÀ ĐẦU TƯ NÀO. VIS RATING ĐƯA RA XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC QUAN ĐIỂM VÀ CÔNG BỐ CÁC ẮN PHẨM VỚI KỶ VỌNG VÀ HIỂU BIẾT RẰNG MỖI NHÀ ĐẦU TƯ SẼ, VỚI SỰ CẦN TRỌNG CẦN THIẾT, TỰ NGHIÊN CỨU VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ MỖI CHỨNG KHOÁN HOẶC CÔNG CỤ NỢ MÀ HỌ ĐANG XEM XÉT MUA, BÁN HOẶC GIỮ.

CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC, VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP VÀ VIỆC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP SỬ DỤNG XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC HOẶC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ LÀ KHÔNG CẦN TRỌNG VÀ KHÔNG PHÙ HỢP. NẾU KHÔNG CHẮC CHẮN, VUI LÒNG LIÊN HỆ VỚI CỐ VẤN TÀI CHÍNH HOẶC CỐ VẤN CHUYÊN NGHIỆP KHÁC CỦA BẠN.

TẤT CẢ CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY (BAO GỒM CẢ THÔNG TIN CỦA VIS RATING VÀ/HOẶC CÁC BÊN THỨ BA ĐÃ LI XĂNG CHO VIS RATING ĐƯỢC TÍCH HỢP CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY ("CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING")) ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO VỆ, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, VÀ KHÔNG MỘT THÔNG TIN NÀO, HOẶC MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ THÔNG TIN ĐÓ, ĐƯỢC SAO CHÉP, HOẶC BẰNG CÁCH KHÁC TẠO BẢN SAO, ĐÓNG GÓI LẠI, TRUYỀN DẪN, CHUYỂN NHƯỢNG, PHÁT TÁN, PHÂN PHỐI, PHÂN PHỐI LẠI HOẶC BÁN LẠI, HOẶC LƯU TRỮ LẠI ĐỂ SỬ DỤNG VỀ SAU CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO NHƯ VỪA NÊU, DƯỚI BẤT KỲ DẠNG NÀO HOẶC CÁCH THỨC NÀO HOẶC PHƯƠNG TIỆN NÀO, BỞI BẤT KỲ NGƯỜI NÀO MÀ KHÔNG CÓ SỰ CHẤP THUẬN TRƯỚC BẰNG VĂN BẢN CỦA VIS RATING HOẶC CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI BẤT KỲ BÊN NÀO NHƯ LÀ MỘT TIÊU CHUẨN VÌ KHÁI NIỆM NÀY ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA PHỤC VỤ CHO MỤC ĐÍCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO BẤT CỨ CÁCH NÀO MÀ CÓ THỂ DẪN TỚI VIỆC CHÚNG ĐƯỢC XEM NHƯ LÀ CÁC TIÊU CHUẨN.

Tất cả các thông tin được VIS Rating thu thập từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên, do có khả năng xảy ra lỗi của con người hoặc máy móc cũng như các yếu tố khác, tất cả các thông tin tại đây được cung cấp trên cơ sở "NGUYÊN TRẠNG" mà không có bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào. VIS Rating tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết để các thông tin chúng tôi sử dụng trong xếp hạng tín nhiệm có chất lượng và từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng đáng tin cậy bao gồm, khi thích hợp, các nguồn từ bên thứ ba độc lập. Tuy nhiên, VIS Rating không phải là công ty kiểm toán và không thể độc lập xác minh hoặc xác nhận các thông tin nhận được tại mọi thời điểm trong quá trình xếp hạng hoặc chuẩn bị các Ắn Phẩm của mình.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gián tiếp, đặc biệt, là hậu quả hoặc là tổn thất, thiệt hại ngẫu nhiên nào phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không có khả năng sử dụng bất kỳ thông tin nào tại đây, ngay cả khi VIS Rating hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng hoặc nhà cung cấp của VIS Rating đã được tư vấn trước về khả năng xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại đó, bao gồm nhưng không giới hạn: (a) mất lợi nhuận hiện tại hoặc dự kiến hoặc (b) các tổn thất và thiệt hại phát sinh khi các công cụ tài chính liên quan không phải là đối tượng của một xếp hạng tín nhiệm cụ thể do VIS Rating đánh giá.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kể tổn thất hoặc thiệt hại trực tiếp hoặc có tính chất bồi thường gây ra cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào, bao gồm nhưng không giới hạn bởi sự bất cẩn (nhưng ngoại trừ gian lận, cố tình làm sai hoặc các loại trách nhiệm khác mà, để tránh hiểu lầm, không thể bị loại trừ theo quy định pháp luật), của, hoặc do bất kỳ sự kiện bất ngờ trong hoặc ngoài khả năng kiểm soát của VIS Rating, hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp của VIS Rating, phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không thể sử dụng các thông tin đó.

KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, ĐỐI VỚI SỰ CHÍNH XÁC, ĐÚNG THỜI ĐIỂM, TÍNH HOÀN CHỈNH, KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI HOẶC TÍNH PHÙ HỢP CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO CỦA BẤT KỲ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, QUAN ĐIỂM HOẶC THÔNG TIN KHÁC ĐƯỢC VIS RATING ĐƯA RA HOẶC TẠO RA DƯỚI BẤT KỲ HÌNH THỨC HOẶC CÁCH THỨC NÀO.

VIS RATING CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH VÀ/HOẶC THAY ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TẠI BẤT KỲ THỜI ĐIỂM NÀO, VÌ BẤT KỲ LÝ DO GÌ. TUY NHIÊN, VIS RATING KHÔNG (VÀ KHÔNG CÓ Ý ĐỊNH) CAM KẾT CÓ NGHĨA VỤ CÔNG BỐ VIỆC BỔ SUNG, CẬP NHẬT HOẶC SỬA ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TRONG TƯƠNG LAI. NGƯỜI DÙNG TỰ CHỊU RỦI RO TRONG VIỆC SỬ DỤNG VÀ/HOẶC DỰA VÀO CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING.

VIS Rating duy trì các chính sách và quy trình để đảm bảo sự độc lập trong các xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating và các quy trình xếp hạng tín nhiệm. Thông tin liên quan đến, bên cạnh các thông tin khác, các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating, bất kỳ thay đổi về tỷ lệ sở hữu nào của các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating và danh sách các tổ chức được xếp hạng với phí dịch vụ xếp hạng tín nhiệm chiếm trên 5% tổng doanh thu hoạt động xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating trong năm tài chính liền trước thời điểm công bố thông tin, được đăng tải tại <https://visrating.com> dưới tiêu đề "Thông Tin Doanh Nghiệp".